|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 09/2013/QĐ-UBND | *Đà Nẵng, ngày 05 tháng 02 năm 2013* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức chi đối với các giải thi đấu**

**thể thao, hội thi thể thao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước hiện hành;

## Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về việc Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá VIII, nhiệm kỳ 2011-2016, kỳ họp thứ 5 về nhiệm vụ năm 2013;

Theo đề nghị của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao, tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các đại hội thể dục thể thao cấp thành phố theo Phụ lục chi tiết đính kèm. Mức chi này là mức chi tối đa, trong quá trình thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cụ thể cho phù hợp với khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

2. Mức chi đối với các Hội thi thể thao, các giải thể thao khác cấp thành phố tối đa không quá 70% mức quy định tại Khoản 1 nêu trên.

3. Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao và các giải thể thao khác cấp quận huyện tối đa không quá 70% mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 nêu trên.

4. Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao và các giải thể thao khác cấp phường xã: Giao cho UBND cấp quận huyện quyết định trên cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách của cấp mình nhưng tối đa không quá 50% mức chi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 nêu trên.

5. Ngoài các chế độ quy định trên, các chế độ khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về việc Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

**Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng:**

1. Phạm vi điều chỉnh: Các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao trên địa bàn thành phố gồm:

- Đại hội thể dục thể thao;

- Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao;

- Hội thi thể thao quần chúng;

- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật;

- Các giải thể thao khác;

- Các Hội thi thể thao khác.

2. Đối tượng áp dụng

- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;

- Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;

- Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

- Vận động viên, huấn luyện viên;

- Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

**Điều 3.** **Nguồn kinh phí thực hiện.**

Nguồn kinh phí thực hiện gồm: ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm, nguồn thu tài trợ quảng cáo; nguồn thu bán vé và nguồn thu hợp pháp được để lại theo quy định của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện.**

1. Giám đốc Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các địa phương có liên quan triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Căn cứ vào mức chi tối đa quy định tại Quyết định này, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định cụ thể mức chi đặc thù cho phù hợp với khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

**Điều 6.** Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hoá Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.** **CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Duy Khương**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC** | | | |
| **Một số mức chi đối với các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao trong nước  trên địa bàn thành phố Đà Nẵng** | | | |
| *(Kèm theo Quyết định số: 09 /2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013  của UBND thành phố Đà Nẵng)* | | | |
|  |  |  |  |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi  tối đa** |
| **I** | **Giải thể thao cấp thành phố** |  |  |
| 1 | Tiền ăn |  |  |
|  | *Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao* | *đồng/người/ngày* | *100.000* |
|  | *Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu* | *đồng/người/ngày* | *100.000* |
|  | *Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu* | *đồng/người/ngày* | *100.000* |
| 2 | Bồi dưỡng làm nhiệm vụ |  |  |
|  | *Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn* | *đồng/người/ngày* | *80.000* |
|  | *Thành viên các tiểu ban chuyên môn* | *đồng/người/ngày* | *60.000* |
|  | *Giám sát, trọng tài chính* | *đồng/người/buổi* | *60.000* |
|  | *Thư ký, trọng tài khác* | *đồng/người/buổi* | *50.000* |
|  | *Công an, y tế* | *đồng/người/buổi* | *45.000* |
|  | *Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên, phục vụ* | *đồng/người/buổi* | *45.000* |
| **III** | **Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội TDTT cấp thành phố** |  |  |
|  | Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ |  |  |
| - | Người tập |  |  |
| *+* | *Tập luyện* | *đồng/người/buổi* | *30.000* |
| *+* | *Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)* | *đồng/người/buổi* | *40.000* |
| *+* | *Chính thức* | *đồng/người/buổi* | *70.000* |
| - | Giáo viên quản lý, hướng dẫn | đồng/người/buổi | 60.000 |